TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Phước Công.**

2. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*** tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Văn Xuyên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Hoàng Hiếu M, sinh năm 1990. địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Nhật T, sinh năm 1983. địa chỉ: số 243 ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Hoàng Hiếu M trình bày: Chị và anh T do mai mối được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Anh chị sống chung hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T hay có tính ghen tuông thường hay cự cải, hai bên gia đình không dàn xếp, anh chị không còn sống chung từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 27/10/2010, Lê Hoàng P, sinh ngày 14/01/2016 hiện cháu N, cháu P sống chung với chị Hiếu M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Hoàng Hiếu M xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Phạm Hoàng Hiếu M xác định không có.

Tại đơn yêu cầu ngày 17.04.2019 anh Lê Nhật T trình bày: Anh cũng nhận được yêu cầu xin ly hôn của chị Hiếu M, do anh làm xa nhà anh không về được. Nay chị M xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 27/10/2010, Lê Hoàng P, sinh ngày 14.01.2016, hiện cháu N, cháu P sống chung với chị Hiếu M. Khi ly hôn, nếu chị M không giữ đúng cam kết theo đơn ly hôn thì anh yêu cầu được được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ cho anh Lê Nhật T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không T hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị M và anh T cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn năm 2010, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T hay ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo hành gia đình, nên chị M yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị M yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M với anh T.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Lê Hoàng N, sinh ngày 27/10/2010, Lê Hoàng P, sinh ngày 14.01.2016 hiện đang được chị M nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2019, chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị M rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị M nghĩ nên chấp nhận.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu P và cháu N sống với chị M phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu N có nguyện vọng được sống với chị M. Riêng, đối với anh T hiện đi làm xa nếu để anh được chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu N và P sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các cháu nghĩ nên để chị M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét.

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hoàng Hiều M với ông Lê Nhật T.

- Chị Phạm Hoàng Hiếu M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng N, sinh ngày 27/10/2010 và cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 14/01/2016, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Phạm Hoàng Hiếu M khởi kiện anh Lê Nhật T cư trú ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị M và anh T sống chung với nhau vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, anh T hay có tính ghen tuông, thường hay cự cải, hai bên gia đình không dàn xếp, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị và anh T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị M yêu cầu ly hôn với anh T, Anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nghĩ nên công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 27/10/2010, Lê Hoàng P, sinh ngày 14/01/2016, hiện nay sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, cháu P. Anh T cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu P. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu N sống ổn định với chị M vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trong quá trình làm việc Tòa án đã T hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu N thì cháu có nguyện vọng sống với chị M. Tại biên bản xác M ngày 15.5.2019 của Tòa án nhân dân huyện C cũng thể hiện cháu N, cháu P hiện nay được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng

tốt, nhà chị M cũng gần trạm Y Tế, Trường học. Mặt khác anh T đi làm tại Thành Phố Hồ Chí M thỉnh thoảng mới về thăm nhà, do đó điều kiện chăm sóc cho các cháu rất khó khăn, sẽ làm thay đổi cuộc sống của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N, cháu P cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa chị Phạm Hoàng Hiếu M xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị M. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện này.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị Phạm Hoàng Hiếu M, anh Lê Nhật T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Chị Phạm Hoàng Hiếu M, anh Lê Nhật T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị M, anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng M nợ chung của chị M và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Hoàng Hiếu M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 146, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 53, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hoàng Hiếu M với anh Lê Nhật T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00041, quyển 01 ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Phạm Hoàng Hiếu M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 27/10/2010, Lê Hoàng P, sinh ngày 27/10/2010. Anh Lê Nhật T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Phạm Hoàng Hiếu M, anh Lê Nhật T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phạm Hoàng Hiếu M, anh Lê Nhật T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị M, anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng M nợ chung của chị M và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Phạm Hoàng Hiếu M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012545 ngày 30 thang 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Phạm Hoàng Hiếu M không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn